

UBND QUẬN THANH XUÂN
TRƯỜNG THCS PHAN ĐÌNH GIÓT



HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023 - 2024
KHỐI 6

Họ và tên HS:.....

Lớp:.....

NĂM HỌC 2023- 2024

TRƯỜNG THCS PHAN ĐÌNH GIÓT

LỊCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023 – 2024

TUẦN	THỜI GIAN	MÔN KIỂM TRA
25 + 26	Từ 11/03 đến 23/03	Kiểm tra theo TKB: - Khối 6,7,8: Nghệ thuật, GDĐP, GDTC; HĐTN - Khối 9: Âm nhạc; Thể dục; - Kiểm tra kỹ năng nói môn Tiếng Anh vào các buổi chiều.
26	Thứ hai 18/03	- Từ 8h05 - 9h05: Lịch sử và Địa lý 6,7,8; Tiếng Anh 9 - Tiết 4: Công nghệ 6,7,8,9
	Thứ ba 19/03	- Tiết 1: GDCD 6,7,8,9 - Tiết 3: Tin học 6,7,8,9
	Thứ tư 20/03	- Tiết 1,2: Ngữ văn 6,7,8,9 - Tiết 4: Vật lý 9
	Thứ năm 21/03	- Tiết 1,2: Toán 6,7,8,9 - Tiết 4: Địa lý 9
	Thứ sáu 22/03	- Tiết 1: Sinh học 9 - Tiết 3: Lịch sử 9 - 10h05 - 11h05: KHTN 6,7,8
	Thứ bảy 23/3	- Tiết 2: Hóa 9 - 10h05 - 11h05: Tiếng Anh 6,7,8

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Bình

MÔN TOÁN HỌC

I. LÝ THUYẾT

1. Phân số

- * So sánh phân số. Phân số bằng nhau. Hỗn số dương.
- * Cộng, trừ, nhân, chia phân số.
- * Hai bài toán về phân số
- * Số thập phân. Tính toán với số thập phân. Làm tròn và ước lượng
- * Bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm

2. Hình học

- * Điểm, đường thẳng.
- * Điểm nằm giữa hai điểm. Tia
- * Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng
- * Trung điểm của đoạn thẳng.

II. BÀI TẬP

Dạng 1: Rút gọn phân số

a. $\frac{13.(-135)+13.115}{75-95}$ b. $\frac{2^4.125}{2^7.50}$

c. $\frac{11.(-135)+11.115}{65-85}$ d. $\frac{2929-101}{2.1919+404}$ e. $\frac{\frac{5}{7} + \frac{5}{9} - \frac{5}{11}}{\frac{15}{7} + \frac{15}{9} - \frac{15}{11}}$

Dạng 2: So sánh phân số, các phép toán với phân số

Bài 1. Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần:

a. $\frac{1}{2}; \frac{-2}{3}; \frac{-3}{-4}; \frac{-4}{5}$ b. $\frac{1}{2}; \frac{3}{5}; \frac{-4}{3}; \frac{27}{-24}$ c. $\frac{33}{-22}; \frac{-3}{4}; \frac{-4}{-5}; \frac{-7}{20}$

d. $\frac{-1}{-2}; \frac{2}{-3}; \frac{5}{6}; \frac{-7}{18}$ e. $\frac{9}{19}; \frac{-25}{19}; \frac{20}{19}; \frac{42}{19}; \frac{30}{19}; \frac{14}{19}; \frac{-13}{19}$ f. $\frac{1}{3}; \frac{1}{5}; \frac{-2}{15}; \frac{1}{6}; \frac{-2}{-5}; \frac{-1}{10}; \frac{4}{15}$

Bài 2. Thực hiện phép tính:

a. $\frac{3}{5} + \frac{4}{15}$ b. $\frac{-3}{5} + \frac{5}{7}$ c. $\frac{5}{6} : \frac{-7}{12}$ d. $\frac{-21}{24} : \frac{-14}{8}$

e. $\frac{4}{5} : \frac{-8}{15}$ f. $\frac{3}{5} + \frac{-7}{4}$ g. $\frac{5}{12} - \frac{-7}{6}$ h. $\frac{-15}{16} \cdot \frac{8}{-25}$

Bài 3. Tính nhanh:

a) $6\frac{4}{5} - \left(1\frac{2}{3} + 3\frac{4}{5}\right)$ b) $6\frac{5}{7} - \left(1\frac{3}{4} + 2\frac{5}{7}\right)$ c) $7\frac{5}{9} - \left(2\frac{3}{4} + 3\frac{5}{9}\right)$

d) $7\frac{5}{11} - \left(2\frac{3}{7} + 3\frac{5}{11}\right)$ e) $\frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{6}{7}$ f) $\frac{1}{3} \cdot \frac{4}{5} + \frac{1}{3} \cdot \frac{6}{5} - \frac{4}{3}$

g) $\frac{4}{19} \cdot \frac{-3}{7} + \frac{-3}{7} \cdot \frac{15}{19} + \frac{5}{7}$ h) $\frac{5}{9} \cdot \frac{7}{13} + \frac{5}{9} \cdot \frac{9}{13} - \frac{5}{9} \cdot \frac{3}{13}$

Bài 4. Tính hợp lý giá trị các biểu thức sau:

A = $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} : \left(\frac{3}{5} + \frac{-2}{3}\right) - 3\frac{1}{2}$ B = $\left(2 + \frac{5}{6}\right) : 1\frac{1}{5} + \frac{-7}{12}$

C = $15\frac{3}{13} - \left(3\frac{4}{7} + 8\frac{3}{13}\right)$ D = $\left(15 - 6\frac{13}{18}\right) : 11\frac{1}{27} - 2\frac{1}{8} : 1\frac{11}{40}$

$$E = (-3,2) \cdot \frac{-15}{64} + \left(0,8 - 2\frac{4}{15}\right) : 3\frac{2}{3} \quad F = \frac{-7}{9} \cdot \frac{4}{11} + \frac{-7}{9} \cdot \frac{7}{11} + 5\frac{7}{9}$$

$$G = 50\% \cdot 1\frac{1}{3} \cdot 10 \cdot \frac{7}{35} \cdot 0,75 \quad S = (-5,6) \cdot (-42,2) + (-57,8) \cdot (-5,6)$$

$$T = (2,6.3 - 2,6.5) : (0,121 + 1,879)$$

Dạng 3: Tìm thành phần chưa biết trong phép tính

Tìm x, biết

$$a) \frac{2}{3} + \frac{1}{3} : x = \frac{3}{5} \quad b) 3\frac{1}{3}x + 16\frac{3}{4} = -13,25 \quad c) \frac{-2}{3} - \frac{1}{3}(2x - 5) = \frac{3}{2}$$

$$d) \frac{1}{4} + \frac{1}{3} : (2x - 1) = -5 \quad e) \left(2\frac{4}{5}x - 50\right) : \frac{2}{3} = 51 \quad f) (5x - 1) \left(-\frac{1}{2}x - 5\right) = 0$$

$$h) \frac{2}{3}x - \frac{1}{2}x = \frac{5}{12} \quad k) \frac{x + 13}{15} = \frac{1}{3} \quad l) 2^{x+2} - 2^x = 96$$

$$l) \left(x \cdot 6\frac{2}{7} + \frac{3}{7}\right) \cdot 2\frac{1}{5} - \frac{3}{7} = -2 \quad m) \frac{1}{3}x + \frac{2}{5}(x - 1) = 0 \quad n) x + 30\% x = -1,3$$

$$p) -(3 - 0,2x) - 80\% = 1\frac{2}{5} \quad q) 3\frac{1}{3} + \frac{5}{6}x = 3\frac{1}{2} \quad s) \frac{1}{2} - \frac{2}{3}x = \frac{7}{12}$$

Dạng 4: Làm tròn số và ước lượng kết quả

Bài 1: Làm tròn số 52, 9548 đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng đơn vị, hàng chục.

Bài 2: Làm tròn số -273,089 đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng đơn vị, hàng chục.

Bài 3: Một bát phở trong một nhà hàng Việt Nam ở New York có giá 5 USD (đô la Mỹ). Hãy ước lượng giá trị của bát phở đó theo tiền đồng Việt Nam, biết rằng tỉ giá giữa tiền đô la Mỹ và tiền đồng của Việt Nam thời điểm đó là 1USD = 23 238,02 VND.

Dạng 5: Các bài toán cơ bản về phân số

Bài 1: Một ô tô đã đi 120 km trong ba giờ. Giờ thứ nhất xe đi được $\frac{1}{3}$ quãng đường. Giờ thứ hai xe đi được 40% quãng đường còn lại. Hỏi trong giờ thứ ba xe đi được bao nhiêu kilômét?

Bài 2: Khối 6 của một trường THCS có ba lớp gồm 120 học sinh. Số học sinh lớp 6A chiếm 35% số học sinh của khối. Số học sinh lớp 6B bằng $\frac{20}{21}$ số học sinh lớp 6A, còn lại là học sinh lớp 6C. Tính số học sinh mỗi lớp?

Bài 3: Một cửa hàng bán một số mét vải trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán $\frac{3}{5}$ số mét vải. Ngày thứ hai bán $\frac{2}{7}$ số mét vải còn lại. Ngày thứ ba bán nốt 40 mét vải.

Tính tổng số mét vải của hàng đã bán?

Bài 4: Nam đọc một cuốn sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất đọc $\frac{3}{8}$ cuốn sách, ngày thứ hai đọc $\frac{1}{3}$ cuốn sách, ngày cuối cùng đọc nốt 35 trang còn lại. Hỏi quyển sách dày bao nhiêu trang?

Bài 5: Một người mang đi bán một số trứng. Sau khi bán $\frac{5}{8}$ số trứng thì còn lại 21 quả. Tính số trứng mang đi bán?

Bài 6: Một lớp có 45 học sinh. Khi giáo viên trả bài kiểm tra, số bài đạt điểm giỏi bằng $\frac{1}{3}$ tổng số bài. Số bài đạt điểm khác bằng $\frac{9}{10}$ số bài còn lại. Tính số bạn đạt điểm trung bình (Giả sử không có điểm yếu và kém)?

Bài 7: Một bể nước hình chữ nhật có chiều cao 1,6 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều cao, chiều dài bằng 150% chiều rộng. Tính thể tích của bể.

Bài 8: Số học sinh khá học kì I của lớp 6 bằng $\frac{1}{16}$ số học sinh cả lớp. Cuối năm có thêm 2 học sinh đạt loại khá nên số học sinh khá bằng $\frac{1}{8}$ số học sinh cả lớp. Tính số học sinh của lớp 6.

Bài 9: Số học sinh giỏi của lớp 6A bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh giỏi của lớp 6B. Nếu lớp 6A bớt đi 3 học sinh giỏi, còn lớp 6B thêm 3 học sinh giỏi thì số học sinh giỏi của lớp 6A bằng $\frac{3}{7}$ số học sinh giỏi lớp 6B. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu học sinh giỏi?

Bài 10: Khối 6 của 1 trường có 4 lớp. Số học sinh lớp 6A bằng $\frac{9}{25}$ tổng số học sinh 3 lớp còn lại. Số học sinh lớp 6B bằng $\frac{21}{64}$ tổng số học sinh còn lại. Số học sinh lớp 6C bằng $\frac{4}{13}$ tổng số học sinh 3 lớp còn lại. Số học sinh lớp 6D là 43 em. Hỏi tổng số học sinh khối 6 của trường và số học sinh mỗi lớp?

Bài 11: Chu vi hình chữ nhật là 52,5m. Biết chiều dài bằng 150% chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật.

Dạng 6: Bài tập nâng cao.

Bài 1. So sánh $A = \frac{10^{1990} + 1}{10^{1991} + 1}$ và $B = \frac{10^{1991} + 1}{10^{1992} + 1}$

Bài 2. Tính tổng các phân số sau

- | | |
|--|--|
| a) $A = 2^0 + 2^1 + 2^2 + \dots + 2^{2010}$ | d) $\frac{4}{2.4} + \frac{4}{4.6} + \frac{4}{6.8} + \dots + \frac{4}{2008.2010}$ |
| b) $B = 1 - 3 + 3^2 - 3^3 + \dots + 3^{100}$ | e) $\frac{1}{18} + \frac{1}{54} + \frac{1}{108} + \dots + \frac{1}{990}$ |
| c) $\frac{3^2}{20.23} + \frac{3^2}{23.26} + \dots + \frac{3^2}{77.80}$ | f) $\frac{1}{1.3} + \frac{1}{3.5} + \frac{1}{5.7} + \dots + \frac{1}{2007.2009}$ |

Bài 3. Chứng minh

a) $\frac{1}{4} + \frac{1}{16} + \frac{1}{36} + \frac{1}{64} + \frac{1}{100} + \frac{1}{144} + \frac{1}{196} < \frac{1}{2}$
 b) $\frac{11}{15} < \frac{1}{21} + \frac{1}{22} + \frac{1}{23} + \dots + \frac{1}{59} + \frac{1}{60} < \frac{3}{2}$
 c) $\frac{1}{5} + \frac{1}{13} + \frac{1}{25} + \frac{1}{41} + \frac{1}{61} + \frac{1}{85} + \frac{1}{113} < \frac{3}{5}$

Bài 4.

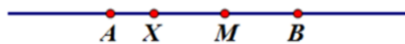
- 1) Chứng minh: Các phân số sau là phân số tối giản với mọi số n nguyên $\frac{12n + 1}{30n + 2}$
 2) Tìm tất cả các số nguyên n để phân số sau có thể rút gọn được $\frac{4n + 5}{5n + 4}$

Bài 5.

- 1) Tìm số nguyên x để các phân số sau có giá trị nguyên
 a) $\frac{13}{x - 5}$ b) $\frac{x + 3}{x - 2}$ c) $\frac{2x}{x - 2}$
 2) Tìm số nguyên dương n lớn nhất sao cho $\frac{n^2 + 2n + 1}{n + 23}$ có giá trị nguyên

Dạng 7: Hình học

Bài 1. Cho hình vẽ. Hãy xác định điểm nằm giữa hai điểm còn lại. Giải thích.



- Bài 2.** Cho điểm I nằm giữa hai điểm A và B; điểm C nằm giữa hai điểm I và B. Kẻ tên hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau gốc I. Hãy xác định điểm nằm giữa hai điểm còn lại.
Bài 3. Vẽ hai đường thẳng aa' và bb' cắt nhau tại O. Lấy A trên tia Oa, B trên tia Ob vẽ đường thẳng d qua O cắt đoạn thẳng AB tại C. Vẽ đường thẳng d' qua C cắt tia Ob tại M sao cho M nằm giữa hai điểm O và B.
Bài 4. Hãy vẽ hình MNPQ có MN = NP = PQ = QN.
Bài 5. Cho M là trung điểm của đoạn thẳng AB, biết MA = 3cm. Tính độ dài đoạn thẳng AB.

Bài 6. Vẽ đoạn thẳng AB = 9cm. Lấy điểm K thuộc đoạn thẳng AB sao cho AK = 7cm. Lấy điểm N nằm giữa A và K sao cho K là trung điểm của BN. Tính NK và NB.

Bài 7. Nhà Minh, nhà Khánh và nhà Lan theo thứ tự nằm trên trục đường chính của làng tính từ đầu làng. Trường học ở vị trí ngay đầu làng. Biết rằng khoảng cách từ nhà Lan đến trường là 900m, từ nhà Khánh đến trường là 500m, từ nhà Khánh đến nhà Minh là 200m.

- a) Tính khoảng cách từ nhà Minh đến trường.
 b) Khoảng cách từ nhà Lan đến trường xa hơn nhà Khánh đến trường là bao nhiêu mét?

MÔN NGỮ VĂN

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. ĐỌC HIỂU

1. Ngoài các văn bản truyền thuyết và truyện cổ tích trong SGK, HS cần ôn tập thêm một số văn bản ngoài theo hướng dẫn của GV.

2. Yêu cầu:

- Nắm các tri thức ngữ văn về hai thể loại truyền thuyết và truyện cổ tích, các yếu tố cơ bản của truyền thuyết và truyện cổ tích.

- Chỉ ra được nội dung chủ yếu, nghệ thuật đặc sắc, thể loại, phương thức biểu đạt, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

II. TIẾNG VIỆT

Học sinh nắm vững kiến thức về:

- Nghĩa của từ
- Biện pháp tu từ
- Dấu chấm phẩy

III. VIẾT

Học sinh chú ý các dạng đề sau:

- Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa).
- Đóng vai nhân vật kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà em đã học.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Phần I: Đọc – hiểu

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

SỰ TÍCH HOA CÚC TRẮNG

Ngày xưa, có một gia đình nghèo gồm hai mẹ con sống nương tựa vào nhau, cuộc sống của họ bình yên trong một ngôi nhà nhỏ. Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con. Người con thì cũng hiếu thảo, biết vâng lời mẹ và chăm chỉ học hành. Một ngày kia, người mẹ bỗng lâm bệnh nặng, mặc dù người con rất thương mẹ, chạy chữa biết bao thầy lang giỏi trong vùng cũng không chữa khỏi cho mẹ. Em buồn lắm, ngày ngày đều cầu phúc cho mẹ. Thương mẹ, người con quyết tâm đi tìm thầy nơi khác về chữa bệnh. Người con đi mãi, qua bao nhiêu làng mạc, núi sông, ăn đói mặc rách vẫn không nản lòng.

Đến một hôm, khi đi ngang qua một ngôi chùa, em xin nhà sư trụ trì được vào thắp hương cầu phúc cho mẹ. Lời cầu xin của em khiến trời nghe cũng phải nhỏ lệ, đất nghe cũng cúi mình. Lời cầu xin đó đến tai Đức Phật từ bi, Người cảm thương tấm lòng hiếu

D. Biểu tượng cho sự sống *chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mọi người.*

Câu 6: Vì sao em bé lại xé nhỏ các cánh hoa?

- A. Vì em vốn là đứa trẻ hiếu động
- B. Vì em nghĩ bông hoa nhiều cánh sẽ đẹp hơn
- C. Vì em bé muốn mẹ sống lâu bên mình
- D. Vì em thích bông hoa nhiều cánh

Câu 7: Trong câu văn “Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con”, từ láy *tần tảo* có ý nghĩa là:

- A. Làm lụng chăm chỉ công việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn
- B. Làm lụng chăm chỉ công việc đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn
- C. Làm lụng chăm chỉ việc nhà và đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn
- D. Làm lụng vất vả, lo toan việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn

Câu 8. Chủ đề nào sau đây **đúng** với truyện *Sự tích hoa cúc trắng*?

- A. Ca ngợi ý nghĩa các loài hoa
- B. Ca ngợi tình mẫu tử
- C. Ca ngợi tình cảm gia đình
- D. Ca ngợi tình cha con

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên.

Câu 10. Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với cha mẹ?

Phần II: Viết

Đóng vai nhân vật kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà em đã học.

MÔN TIẾNG ANH
REVISION FOR THE MID-SEMESTER TEST - SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2023 – 2024
GRADE 6
UNIT 6: COMMUNITY SERVICES

Vocabulary

1. Public services

Từ	Từ loại	Phát âm	Nghĩa
police station	(n)	/pə'li:s steɪʃn/	Đồn cảnh sát
train station	(n)	/treɪn steɪʃn/	Ga tàu hỏa
library	(n)	/'laɪbrəri/	Thư viện
hospital	(n)	/'hɔ:spɪtl/	Bệnh viện
post office	(n)	/'pəʊst ə:fɪs/	Bưu điện
bus station	(n)	/'bʌs steɪʃn/	Bến xe buýt

2. The environment

Từ	Từ loại	Phát âm	Nghĩa
trash	(n)	/træʃ/	Rác
can	(n)	/kæn/	Lon

plastic bag	(n.phrase)	/'plæstɪk bæɡ/	túi nilon
plastic bottle	(n.phrase)	/'plæstɪk bɑ:təl/	chai nhựa
glass jar	(n.phrase)	/glæs dʒɑ:r/	hũ thủy tinh
recycle	(v)	/,ri:'saɪkl/	Tái chế
throw away	(v)	/θrəʊ ə'wei/	Vứt
reuse	(v)	/,ri:'ju:z/	Tái sử dụng
pick up	(v)	/pɪk ʌp/	Nhặt

3. Community services

Từ	Từ loại	Phát âm	Nghĩa
charity	(n)	/'tʃærəti/	Hội từ thiện
protect	(v)	/prə'tekt/	Bảo vệ
wildlife	(n)	/'waɪldlaɪf/	Đời sống hoang dã
donate	(v)	/'dəʊneɪt/	Quyên góp
free	(adj)	/fri:/	Miễn phí

Grammar

1. Articles: a / an / the

a. Cách dùng A / an

- ❖ Dùng trước danh từ đếm được ở số ít.
- ❖ Dùng *a* khi danh từ bắt đầu bằng phụ âm.
- ❖ Dùng *an* khi danh từ bắt đầu bằng nguyên âm. (nguyên âm a, o, i, e, u)
- ❖ Dùng *a* hay *an* căn cứ vào cách phát như: *a union, an uncle, an hour, ...*

b. Cách dùng The

“The” được dùng trước danh từ số ít và danh từ số nhiều khi danh từ đó đã được xác định.

2. Prepositions of places

- next to: bên cạnh
- opposite: đối diện
- in: trong, ở (*in space, in Hanoi, in Vietnam, in the ocean, in the room, in the box, in this office, in the South, etc.*)
- on: trên (*on the floor, on the beach, on Le Loi Street, on the bus, on the left/ right, on the top of, etc.*)
- at: ở (*at the airport, at 50 Tran Hung Dao Street, at work/ school/ university, at the party, at the concert, etc.*)

3. Imperatives (Câu mệnh lệnh)

- Dùng để sai khiến, ra lệnh hoặc đề nghị một người khác làm một việc gì đó. Chủ ngữ của câu mệnh lệnh được ngầm hiểu là “you”.

	Positive	Negative
Form	Verb + object/ preposition.	Don't + verb + object/ preposition.

UNIT 7: MOVIES

Vocabulary

1. Types of movies

Từ	Từ loại	Phát âm	Nghĩa
comedy	(n)	/'kɒmədi/	Phim hài kịch
science fiction (sci-fi)	(n)	/'saɪəns 'fɪkʃn/	Phim khoa học viễn tưởng
horror film	(n)	/'hɒrə film/	Phim kinh dị
action film	(n)	/'ækʃn film/	Phim hành động
drama	(n)	/'drɑ:mə/	Phim chính kịch
animated	(adj)	/æni'meɪtɪd/	Hoạt hình

2. Adjectives to describe movies

Từ	Từ loại	Phát âm	Nghĩa
fantastic	(adj)	/fæn'tæstɪk/	Tuyệt vời
sad	(adj)	/sæd/	Buồn
awful	(adj)	/'ɔ:fl/	Kinh khủng
boring	(adj)	/'bɔ:riŋ/	Chán
exciting	(adj)	/ɪk'saɪtɪŋ/	Thú vị

funny	(adj)	/ 'fʌni/	Hài hước
great	(adj)	/ greɪt/	Tuyệt vời
terrible	(adj)	/ 'terəbl/	Khủng khiếp

3. History in movies

Từ	Từ loại	Phát âm	Nghĩa
army	(n)	/ 'ɑ:rmɪ/	Quân đội
king	(n)	/ kɪŋ/	Nhà vua
soldier	(n)	/ 'səʊldʒə/	Binh lính
queen	(n)	/ kwɪ:n/	Nữ hoàng
battle	(n)	/ 'bætl/	Trận chiến
general	(n)	/ 'dʒenrəl/	Vị tướng
win	(n, v)	/ wɪn/	Chiến thắng
invader	(n)	/ ɪn'veɪdə/	Kẻ xâm lược

Grammar

1. Prepositions of time: in / on / at (Giới từ chỉ thời gian)

a. Giới từ IN: thường được sử dụng khi nói về buổi trong ngày, khoảng thời gian, tháng, năm cụ thể, các mùa, thế kỷ và những thời kỳ dài. (*in the morning, in 2 minutes, in May, in 2010, in summer, in the nineteenth century, in the past, in the Ice Age*)

b. Giới từ ON: thường được sử dụng khi nói tới thứ trong tuần, ngày kèm tháng, ngày tháng năm và các ngày cụ thể. (*on Monday, on Sunday morning, on November 6th, on June 27th 2017, on Christmas Day, on Independence Day, on New Year's Eve, on New Year's Day*)

c. Giới từ AT: thường được sử dụng trước giờ, một số dịp lễ, sự kiện như các lễ hội đặc biệt. (*at 6 o'clock, at 2 p.m, at bedtime, at lunchtime, at Christmas, at Easter*)

2. Past Simple with 'to be' (Quá khứ đơn với động từ "to be")

- Thì quá khứ đơn được sử dụng để diễn tả một hành động đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

- Cấu trúc:

	Cấu trúc
Câu khẳng định (+)	<ul style="list-style-type: none"> I/ He/ She/ It + was + danh từ/ tính từ. You/ We/ They + were + danh từ/ tính từ.
Câu phủ định (-)	<ul style="list-style-type: none"> I/ He/ She/ It + wasn't + danh từ/ tính từ. You/ We/ They + weren't + danh từ/ tính từ.
Câu nghi vấn (?)	<ul style="list-style-type: none"> Was + I/ he/ she/ it + danh từ/ tính từ? Yes, S was. / No, S + wasn't. Were + you/ we/ they + danh từ/ tính từ? Yes, S + were. / No, S + weren't.
	Wh-word + was/ were + S + danh từ/ tính từ?

- Dấu hiệu nhận biết

- Trạng từ chỉ thời gian như: *yesterday, last year/ month/ week...*
- *ago*
- *in* + mốc thời gian trong quá khứ (*in 1999*).

UNIT 8: THE WORLD AROUND US

Vocabulary

1. Activities for a trip

Từ	Từ loại	Phát âm	Nghĩa
rafting	(n)	/ 'ræftɪŋ/	Việc đi bè
canyon	(n)	/ 'kænjən/	Hẻm núi
cave	(n)	/ keɪv/	Hang động
hiking	(n)	/ 'haɪkɪŋ/	Chuyến đi bộ đường dài
kayaking	(n)	/ 'kaɪækɪŋ/	Trò chèo thuyền kayak
campsite	(n)	/ 'kæmpsɑɪt/	Khu cắm trại

Grammar

1. Modals: *should / shouldn't / can / can't*

a. Should / Shouldn't

Thể	Thể khẳng định / Thể phủ định	Thể nghi vấn
Chức năng	Dùng để diễn tả lời khuyên, hay ý nghĩ điều gì là đúng, nên làm hoặc không nên làm.	Dùng để hỏi ý kiến hay yêu cầu một lời khuyên.
Cấu trúc	S + should/ shouldn't + V-inf + (các thành phần khác).	Should + S + V-inf + (các thành phần khác)? Yes, S + should. / No, S + shouldn't.

b. Can / Can't

Thể	Thể khẳng định/ Phủ định	Thể nghi vấn
Cấu trúc	S + can/ can't + V-inf + (các thành phần khác).	Can + S + V-inf + (các thành phần khác)? Yes, S + can. / No, S + can't.
Chức năng	Diễn tả khả năng có thể/ không thể làm được gì hoặc một sự việc có thể/ không thể xảy ra ở hiện tại.	Dùng trong câu hỏi đề nghị, xin phép, yêu cầu.

2. Conjunction “so”

Liên từ đẳng lập	
Chức năng	Dùng để nối các từ, cụm từ cùng một loại, hoặc các mệnh đề ngang hàng nhau (tính từ với tính từ, danh từ với danh từ...)
Vị trí	- Luôn luôn đứng giữa 2 từ hoặc 2 mệnh đề mà nó liên kết. - Nếu nối các mệnh đề độc lập thì luôn có dấu phẩy đứng trước liên từ.
Các liên từ	Chỉ sự thêm vào: and
	Chỉ sự tương phản, đối lập: but
	Chỉ kết quả: so
	Chỉ sự lựa chọn: or

EXERCISES

Ex 1. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the other three in each question.

- | | | | |
|----------------|------------|-------------|--------------|
| 1. A. trash | B. station | C. recycle | D. plastic |
| 2. A. shopping | B. sugar | C. sure | D. fantastic |
| 3. A. sad | B. special | C. decide | D. police |
| 4. A. exciting | B. chess | C. messy | D. passion |
| 5. A. glass | B. ocean | C. hospital | D. campsite |
| 6. A. protect | B. throw | C. flower | D. soldier |
| 7. A. pagoda | B. comb | C. sofa | D. donate |
| 8. A. know | B. close | C. town | D. sofa |
| 9. A. slow | B. allow | C. powder | D. tower |
| 10. A. cow | B. show | C. crown | D. allow |

Ex 2. Choose the word which has a different stress pattern from the others.

- | | | | |
|----------------|-------------|------------|------------|
| 1. A. listen | B. travel | C. borrow | D. obey |
| 2. A. traffic | B. agree | C. soldier | D. battle |
| 3. A. plastic | B. wildlife | C. machine | D. fiction |
| 4. A. suggest | B. office | C. drama | D. army |
| 5. A. station | B. become | C. reuse | D. protect |
| 6. A. hiking | B. finish | C. begin | D. study |
| 7. A. donate | B. patient | C. advice | D. rafting |
| 8. A. campsite | B. horror | C. story | D. police |
| 9. A. famous | B. asleep | C. funny | D. boring |

10. A. happy B. afraid C. boring D. scary

Ex 3. Complete the conversations with the correct form of the adjectives in brackets.

- Titanic is a _____ movie. It has a sad ending, and everyone cries when watching it. (move)
- Paul Walker won Oscar for the best _____. (act)
- This is a _____ movie. I was afraid when watching it. (frighten)
- What an _____ actor! He makes the movie wonderful. (amaze)
- Have you ever seen this comedy? It's really _____. (fun)
- The film is a big _____. It is boring from beginning to end. (disappoint)
- Although *La La Land* is a _____ movie, it has a sad ending. (romance)

Ex 4. Write the correct past simple tense of "to be".

- Mom and Dad _____ (not be) at home yesterday. They _____ (be) at the hospital.
- The weather _____ (be) nice. It _____ (not be) windy and rainy.
- _____ (be) he free all day yesterday?
- When _____ (be) you born?
- He _____ (not be) at school. He was at home.
- Were you busy yesterday? Yes, I _____ (be).
- _____ (be) it cold last night? No, it _____ (not be). It was hot.
- Where _____ (be) they on Sunday? They _____ (be) at the store.
- _____ (be) Nina and Sam strong this morning? No, they _____ (not be).
- _____ (be) Sam ill last night? Yes, he _____ (be).

Ex 5. Fill in the blank with a correct preposition in / on / at / Ø.

- There was a loud noise which woke us up _____ midnight.
- Do you usually eat chocolate eggs _____ Easter?
- The trees here are really beautiful _____ the spring.
- I'll see you _____ Tuesday afternoon, then.
- John is going to buy the presents _____ today.
- His daughter was born _____ the 24th of August.
- Columbus sailed to the Americas _____ the 16th century.
- Lucy is arriving _____ February the 13th _____ 8 o'clock _____ the morning.
- I usually go to my parents' house _____ Christmas. We eat turkey together _____ Christmas Day.
- The train leaves tomorrow morning _____ 8.00 a.m.

Ex 6. Complete the paragraph with a / an / the / Ø.

I have arrived in (1) _____ USA last Monday. We left (2) _____ Rome, flew over the Alps, and made (3) _____ quick stop in London. There we went shopping at (4) _____ Harrods, visited the Tower, and enjoyed (5) _____ sunny afternoon in (6) _____ Hyde Park. On (7) _____ following day, we left for New York. (8) _____ time on board wasn't boring as there were two films to watch on the monitor. (9) _____ people on the plane were all (10) _____ Italian. Before we landed at (11) _____ JFK airport, we saw (12) _____ Statue of Liberty, (13) _____ Ellis Island, and the Empire State Building. (14) _____ hotel I stayed in was on the corner of (15) _____ 42nd Street and (16) _____ 5th Avenue. I don't like hotels very much, but I didn't have time to rent an apartment.

Ex 7. Fill in the blank using the words in the box.

- | | | | | |
|------------------|----------------|---------------------|-------------|----------------------|
| Turn left | Come in | Don't forget | Open | Don't be late |
| Help me! | Have | Don't listen | Pass | Catc |

- _____ an umbrella with you. It's raining.
- _____ a rest. You look tired.
- _____ at the end of the street.
- _____. I can't swim!

5. _____ to take your passport.
6. _____ your books at page 15.
7. _____ the salt, please.
8. _____ to that record. It's terrible.
9. _____. The train leaves at 8 o'clock.
10. _____ the first train in the morning.

Ex 8. Choose the correct preposition.

1. Don't sit *in / on / under* this chair. It's broken.
2. My grandma is sitting *in / on / at* the armchair *on / next / beside* the fireplace.
3. We live *on / in / at* an apartment *on / at / into* a very busy road.
4. I put my book *in / on / over* the table *in / at / on* the dining room.
5. There is a clock *under / next to / above* the teacher's desk.
6. He always hides the key *on / at / under* the doormat.
7. Mary is sitting *under / between / behind* her parents. They are watching TV.
8. On a bus, passengers sit *in front of / behind / between* the drivers.

Ex 9. Complete the sentences with *should/ shouldn't/ can/ can't* and the verbs from the box.

swim	speak	cook	swim	go
play	pass	write	hear	meet

1. This telephone is terrible. I _____ you at all.
2. Some robots _____ musical instruments now.
3. You are ill, so you _____ to school today.
4. I'm afraid I _____ to your party tonight.
5. The concert starts at 8:15, so we _____ at about 8.00.
6. If you try hard, you _____ your examinations.
7. My brother _____ very well. He is a chef in a French restaurant.
8. Children _____ in that lake. It is not shallow enough.
9. _____ you _____ English fluently and quickly?
10. I'm right-handed. I _____ with my left hand.

Ex 10. Read the passage and do the tasks below.

Marcus and Dani live in a small town. The town has a beautiful coast. But many people throw garbage into the ocean and onto the beach. Now the coast is dirty. The environment is damaged. So Marcus and Dani decided to clean up the garbage. They picked up trash in the sand and made the coast clean again. Other people in the town saw this and want to help. They also picked up trash from the coast. Then they picked up trash in the woods. There are now more birds in the woods and more octopuses in the ocean. Marcus and Dani have saved their town's environment!

a. Circle True or False.

- | | | |
|--|------|-------|
| 1. Marcus and Dani's town is near the ocean. | True | False |
| 2. Many people throw garbage on the ground near the coast. | True | False |
| 3. Marcus and Dani throw garbage in the woods. | True | False |
| 4. The birds like to eat the trash in the woods. | True | False |
| 5. No one helps Marcus and Dani clean up the environment. | True | False |

b. Circle the correct answers.

1. Marcus and Dani decide to _____.

A. help people feed birds	B. throw trash in the woods
C. clean the ocean	D. pick up trash
2. What is true about Marcus and Dani?

A. They have a pet bird.	B. They live in a big city.
C. They found an octopus on the coast.	D. They found trash in the sand.
3. What do the other people in the town do?

A. They fish for octopus in the ocean.	B. They free birds into the woods.
--	------------------------------------

5. You should wash your hands before meals.

6. You should not worry about the examination.

7. You should tidy your room every day.

8. You should not forget to write to your parents.

Ex 14. Write the second sentence, using *should* or *shouldn't* and the words given.

1. Can't they see the 'No Smoking' sign? (they / smoke / in here)

2. These windows are so dirty. (you / clean them / more often)

3. We are in the library. (we / talk / too loudly)

4. I have a stomachache. (you / eat / too much)

5. Suzy has to wake up early for school. (she / go to sleep / so late)

6. You are always late for school. (you / be / punctual)

7. We'll have an English test tomorrow. (you / learn your lessons / carefully)

Ex 15. Use the words given and other words, complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence. Do not change the word given.

1. It would be a good idea for you to go to a pagoda. (**should**)

→ I think _____.

2. I advise you to travel in this summer to relax after a hard-working time. (**should**)

→ I think _____.

3. I advise you not to come to his birthday party. (**should**)

→ I think _____.

4. It's not good to throw old clothes away. (**You**)

→ _____.

5. Remember to turn the tap off when you are brushing your teeth. (**Don't**)

→ _____.

6. My grandfather has to wear his glasses to read newspapers. (**can't**)

→ _____ without wearing his glasses.

7. Running non-stop in 30 minutes is beyond her ability. (**can't**)

→ _____.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

I. LÝ THUYẾT.

1. NGUYÊN SINH VẬT

- Kể tên được một số loài nguyên sinh vật mà em biết.
- Dựa vào hình dạng, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật
- Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra và trình bày được cách phòng tránh bệnh.

2. NẤM

- Kể tên được một số loài nấm mà em biết.
- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống.
- Nêu được một số bệnh do nấm gây ra, cách phòng tránh bệnh.

3. THỰC VẬT

- Phân biệt được hai nhóm thực vật có mạch và không có mạch.
- Nhận biết được các nhóm thực vật: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín thông qua hình ảnh, mẫu vật.
- Trình bày được vai trò của thực vật đối với môi trường, vai trò của thực vật đối với động vật và con người.

4. ĐỘNG VẬT

- Phân biệt được hai nhóm động vật có xương sống và động vật không có xương sống.
- Nhận biết được các nhóm động vật dựa vào hình ảnh, mẫu vật.
- Nêu được vai trò và một số tác hại của động vật trong đời sống.

5. ĐA DẠNG SINH HỌC

- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong đời sống.
- Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.
- Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

II. BÀI TẬP:**Bài 1:**

- Thực vật có vai trò gì đối với đời sống con người?
- Thực vật có vai trò gì đối với tự nhiên?
- Cho các loài thực vật sau, em hãy sắp xếp các thực vật sau theo từng nhóm phù hợp và xác định đặc điểm của mỗi nhóm.

- | | | | |
|-------------------|------------------|--------------|-----------------|
| (1) Cây lông culi | (2) Cây dương xỉ | (3) Cây bưởi | (4) Cây lúa |
| (5) Cây rêu | (6) Cây bách tán | (7) Cây cam | (8) Cây vụn tuế |

Bài 2:

- Ở những nơi khô hạn, có ánh nắng chiếu trực tiếp rêu có sống được không? Vì sao?
- Để tránh rêu mọc ở chân tường, sân, bậc thềm gây trơn trượt và mất thẩm mỹ, chúng ta nên làm gì?

Bài 3:

- Vì sao dơi biết bay như chim nhưng lại là thú? Em hãy nêu những lợi ích của dơi trong nông nghiệp.
- Cá sấu sống được ở cả hai môi trường: trên cạn và dưới nước. Tại sao cá sấu không thuộc lớp lưỡng cư mà lại thuộc lớp bò sát. Em hãy nêu vai trò của cá sấu đối với con người.
- Vì sao cá heo và cá voi cùng sống dưới nước và đều được gọi là cá, tuy nhiên chúng không thuộc lớp Cá mà thuộc lớp Động vật có vú?

Bài 4: Hãy giải thích vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học?

Bài 5: Hiện nay, có nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm ở nước ta như tê giác, voi, hổ đã và đang đứng trước nguy cơ biến mất. Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng này? Cần tiến hành những biện pháp nào để bảo tồn các loài đó?

MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

A. PHẦN LỊCH SỬ

I. Hướng dẫn chung:

1. Lý thuyết:

- Bài 14: Nhà nước Văn Lang Âu Lạc

+ Thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc.

+ Tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.

+ Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

- Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến của xã hội Âu Lạc

+ Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc.

+ Chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.

2. Hình thức kiểm tra: 40% trắc nghiệm; 60% tự luận

II. Các câu hỏi tự luận tham khảo:

Câu 1. Trình bày đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

Câu 2. Vẽ sơ đồ bộ máy cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và nêu nhận xét.

Câu 3. Trình bày chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc về kinh tế; văn hoá – xã hội? Em hãy cho biết hậu quả của chính sách bóc lột kinh tế đối với nước ta?

Câu 4. Nêu những hiểu biết của em về những chuyển biến về xã hội của nước ta trong thời kỳ Bắc thuộc.

B. PHẦN ĐỊA LÝ

I, Lí thuyết

Câu 1. Trình bày khái quát đặc điểm khí hậu đới ôn hòa (ôn đới). Em hãy cho biết nước ta thuộc đới khí hậu nào?

Câu 2. Hiện nay nguồn nước ngọt ở Việt Nam đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Em hãy tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến tình trạng này và đề ra các giải pháp để bảo vệ nguồn nước ngọt.

Câu 3. Phân biệt ba dạng vận động của nước biển và đại dương: sóng, thủy triều và dòng biển. Nước ta có những loại thủy triều nào? Nêu ví dụ ?

II, Trắc nghiệm kham khảo

Câu 1. Khí hậu là tổng hợp các yếu tố thời tiết:

- A. xảy ra trong một thời gian ngắn và có quy luật.
- B. xảy ra trong một thời gian dài và có quy luật.
- C. xảy ra trong một ngày ở một địa phương và không theo quy luật.
- D. xảy ra khắp mọi nơi và thay đổi theo mùa.

Câu 2. Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào trên Trái Đất?

- A. Cận nhiệt B. Nhiệt đới C. Cận nhiệt đới D. Hàn đới

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. TRẮC NGHIỆM, LÝ THUYẾT

Bài 7: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm

Bài 8: Tiết kiệm

II. CÂU HỎI, BÀI TẬP

Câu 1: Thế nào là tình huống nguy hiểm? Phân biệt tình huống nguy hiểm từ tự nhiên và tình huống nguy hiểm từ con người? Cho ví dụ minh họa.

Câu 2: Chúng ta cần làm gì để phòng tránh và ứng phó được với tình huống nguy hiểm như bắt cóc, hỏa hoạn, đuối nước, đông sét?

Câu 3: Em hãy nêu những biểu hiện của tiết kiệm? Trái với tiết kiệm là gì? Hậu quả?

Câu 4: Tìm một số câu ca dao, tục ngữ nói về tính tiết kiệm?

Câu hỏi minh họa:

Câu 1: Trong phần thông tin 1, bài 7 *Ứng phó với các tình huống nguy hiểm*, bạn Lan đã gặp phải tình huống nguy hiểm là gì?

- A. Trộm
- B. Hỏa hoạn
- C. Đuối nước
- D. Bắt cóc

Câu 2: Những sự việc bất ngờ xảy ra, có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng, gây thiệt hại về tài sản, môi trường cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Tình huống nguy hiểm.
- B. Ô nhiễm môi trường.
- C. Tình huống nguy hiểm từ tự nhiên.
- D. Tình huống nguy hiểm từ con người.

Câu 3: Tình huống nguy hiểm từ con người là những mối nguy hiểm bất ngờ, xuất phát từ những hành vi cố ý hoặc vô tình từ con người gây nên tổn thất cho

- A. con người và xã hội.
- B. môi trường tự nhiên.
- C. kinh tế và xã hội.
- D. kinh tế quốc dân.

Câu 4: Biểu hiện nào dưới đây thể hiện đức tính tiết kiệm?

- A. Tiêu xài hoang phí tiền bạc của cha mẹ
- B. Làm thất thoát tài sản, tiền của Nhà nước.
- C. Tham ô, tham nhũng
- D. Bảo vệ của công

Câu 5: Tình huống nào dưới đây **không** gây nguy hiểm đến con người?

- A. Bạn A được bố dạy bơi ở bể bơi của nhà văn hóa phường.
- B. Khu chung cư nhà bạn B đang xảy ra hỏa hoạn lớn.
- C. Các bạn đang tụ tập tắm ở khu vực bãi biển cấm.
- D. Bạn T lợi qua suối để về nhà trong lúc trời mưa to.

Câu 6: Khi phát hiện có cháy nổ, hỏa hoạn xảy ra em sẽ gọi đến số máy nào dưới đây?

- A. 114.
- C. 115.
- B. 113.
- D. 116.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây em cho là không biết tiết kiệm?

- A. Bảo quản đồ dùng học tập, sách vở.
- B. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- C. Xem tivi nhiều
- D. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể

Câu 8: Câu tục ngữ “*buôn tàu, bán bè không bằng ăn dè hà tiện*” nói về đức tính gì của con người?

- A. Siêng năng, chăm chỉ.
- B. Tiết kiệm.
- C. Kiên trì.
- D. Thương yêu con người.

Câu 9: Để đảm bảo an toàn cho bản thân khi gặp mưa dông, lốc, sét chúng ta **không nên**:

- A. Tìm nơi trú ẩn an toàn
- B. Tắt thiết bị điện trong nhà.
- C. Trú dưới gốc cây to, cột điện.
- D. ở nguyên trong nhà.

Câu 10: Ý kiến nào dưới đây **không** đúng khi nói về tiết kiệm?

- A. Sống tiết kiệm dễ trở thành bủn xỉn, ích kỉ.
- B. Tiết kiệm thể hiện sự quý trọng công sức của bản thân và người khác.
- C. Người tiết kiệm là người biết chia sẻ, vì lợi ích chung.
- D. Tiết kiệm sẽ đem lại ý nghĩa to lớn về kinh tế.

MÔN TIN HỌC

I. Trắc nghiệm: Em hãy lựa chọn phương án trả lời đúng nhất

Câu 1: Các lệnh định dạng đoạn văn bản nằm trong nhóm lệnh nào dưới đây?

- A. Page Layout
- B. Design
- C. Paragraph
- D. Font

Câu 2. Để gạch dưới một từ hay cụm từ, sau khi chọn cụm từ đó, ta nhấn tổ hợp phím:

- A. Ctrl+L
- B. Ctrl+I
- C. Ctrl+B
- D. Ctrl+U

Câu 3. Phát biểu nào đúng khi nói đến cách để xác định đoạn văn bản cần định dạng

- A. Đặt con trỏ vào trong đoạn văn bản.
- B. Đánh dấu một phần đoạn văn bản.
- C. Đánh dấu toàn bộ đoạn văn bản.
- D. Hoặc A hoặc B hoặc C

Câu 4. Để thực hiện định dạng kí tự của văn bản em dùng nhóm lệnh nào trên thẻ Home

- A. Font
- B. Paragraph
- C. Table
- D. Editing

Câu 5. Thao tác nào KHÔNG phải là thao tác định dạng văn bản?

- A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng.
- B. Chọn chữ màu xanh.
- C. Căn giữa đoạn văn bản.
- D. Thêm hình ảnh vào văn bản.

Câu 6. Trong phần mềm soạn thảo văn bản, công cụ *Tìm kiếm* có tác dụng gì?

- A. Giúp nhanh chóng định vị được một cụm từ cho trước ở những vị trí nào trong văn bản.
- B. Tìm được nhiều thông tin trên mạng internet.
- C. Thay thế nhanh các từ và cụm từ.
- D. Chỉ tìm kiếm được ảnh trong văn bản.

Câu 7. Chức năng của hệ soạn thảo văn bản:

- A. Vào mạng internet.
- B. Tạo hòm thư điện tử.
- C. Tính toán.
- D. Nhập và lưu trữ văn bản.

Câu 8. Bạn An đang viết về đặc sản cốm Làng Vòng để giới thiệu Âm thực Hà Nội cho các bạn ở Tuyên Quang. Tuy nhiên, bạn muốn sửa lại văn bản, thay thế tất cả các từ “món ngon” bằng từ “đặc sản”. Bạn sẽ sử dụng lệnh nào trong hộp thoại “Find and Replace”?

- A. Replace.
- B. Find Next.
- C. Replace All.
- D. Cancel.

Câu 9. Các lệnh định dạng trang văn bản nằm trong thẻ nào trong phần mềm soạn thảo?

- A. Page layout
- B. Design
- C. Paragraph
- D. Font

Câu 10. Phần mềm soạn thảo văn bản không có chức năng nào sau đây?

- A. Nhập văn bản
- B. Sửa đổi, chỉnh sửa văn bản
- C. Lưu trữ và in văn bản
- D. Chỉnh sửa hình ảnh và âm thanh

Câu 11. Chọn câu nói đúng về phần mềm soạn thảo văn bản:


- A. Cho phép người dùng sửa đổi, bổ sung tại vị trí bất kì trong văn bản.
- B. Cho phép người dùng thực hiện việc đăng nhập vào mạng xã hội.
- C. Không thể tạo bảng
- D. Thực hiện tính toán, sắp xếp dữ liệu.

Câu 12. Để căn lề hai bên, ta sử dụng lệnh nào?

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 13. Để tăng mức thụt lề trái cả đoạn, ta sử dụng lệnh:

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 14. Nút lệnh này  dùng để:

- A. Đặt lề cho trang in.
- B. Chọn hướng trang in.
- C. Chọn khổ giấy in.
- D. Chia cột cho đoạn văn bản.

Câu 15. Nút lệnh  Left 1 cm dùng để:

- A. Giảm mức thụt lề trái cả đoạn 1cm
- B. Chèn hình vẽ vào văn bản.
- C. Tăng mức thụt lề trái cả đoạn 1cm
- D. Chèn chữ nghệ thuật.

Câu 16. Nút lệnh này  After: 12 pt dùng để:

- A. Tăng/giảm khoảng cách đoạn có con trỏ soạn thảo với đoạn trên nó.
- B. Tăng/giảm khoảng cách đoạn có con trỏ soạn thảo với đoạn dưới nó.
- C. Định dạng cỡ chữ.
- D. Định dạng kiểu chữ

Câu 17. Em nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì?

- A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và trả lời tin nhắn ngay
- B. Nhấn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen không, nếu quen mới kết bạn

- C. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh xem có phải người quen không, nếu phải thì chấp nhận kết bạn, không phải thì thôi
- D. Không chấp nhận kết bạn và không trả lời tin nhắn.

Câu 18. Khi truy cập Internet, em nhận được một mẫu điền thông tin cá nhân để nhận thưởng không rõ nguồn gốc, em sẽ làm gì?

- A. Chia sẻ cho bạn bè để cùng nhận thưởng
- B. Im lặng, điền thông tin nhận thưởng một mình
- C. Không điền thông tin và thoát khỏi trang web đang truy cập
- D. Không quan tâm

Câu 19. Khi bị một người quen chụp được một khoảnh khắc xấu của em và đe dọa đăng lên mạng xã hội. Em sẽ làm gì?

- A. Không quan tâm
- B. Sợ hãi, im lặng không nói với ai
- C. Làm theo sự điều khiển của người đó để không bị đăng ảnh lên mạng xã hội
- D. Nói với người lớn để nhờ sự giúp đỡ

Câu 20. Một người bạn mới quen qua mạng muốn em mở webcam. Em sẽ xử lý như thế nào?

- A. Không mở webcam.
- B. Đồng ý mở bất cứ lúc nào.
- C. Chỉ mở khi cần thiết.
- D. Dùng ứng dụng giả lập webcam để chia sẻ hình ảnh người khác.

Câu 21. Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

- A. Cho bạn bè biết mật khẩu nếu quên còn hỏi bạn
- B. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ
- C. Thay mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết
- D. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên

Câu 22. Mật khẩu nào sau đây của bạn Nguyễn Văn An là chưa đủ mạnh?

- A. Nguyen_Van_An_2020
- B. nguyenvanan1234
- C. an123456
- D. Nguyen_Van_An

II. Tự luận

Câu 1. Em hãy nêu một số quy tắc an toàn khi sử dụng máy tính.

Câu 2. Em hãy nêu tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet.

Câu 3. Sơ đồ tư duy là gì, lợi ích việc sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập?

Câu 4. Phần mềm soạn thảo văn bản là gì, có mấy kiểu định dạng văn bản kể tên các kiểu định dạng đó?

Câu 5. Tại sao phải tạo bảng và nêu cách tạo bảng trong word?

MÔN CÔNG NGHỆ

I. Lý thuyết

Bài 8: Sử dụng và bảo quản trang phục

Bài 9: Thời trang

Bài 10: Khái quát đồ dùng điện trong gia đình

Bài 11: Đèn điện

II. Ví dụ minh họa

Câu 1: Phong cách thời trang là gì và có những phong cách thời trang nào thường thấy trong cuộc sống?

Câu 2: Nêu khái niệm, vai trò của thời trang trong cuộc sống?

Câu 3: Một số loại vải thông dụng để may mặc là những loại vải nào, em hãy kể tên những loại vải đó?

Câu 4: Một bóng đèn sợi đốt có thông số: 220V – 75W. Hãy cho biết ý nghĩa của thông số đó.

Câu 5: Khi đi chơi, đi dự các buổi sinh hoạt văn nghệ, liên hoan, lễ hội...em thường mặc theo phong cách nào?

MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

1. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Trắc nghiệm khách quan
- Tự luận

2. NỘI DUNG:

- Chủ đề 5: Em với gia đình

- + Động viên chăm sóc người thân trong gia đình
- + Giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong gia đình
- + Em làm việc nhà

- Chủ đề 6: Em với cộng đồng

- + Thiết lập quan hệ với cộng đồng
- + Em tham gia hoạt động thiện nguyện
- + Hành vi có văn hóa nơi công cộng
- + Truyền thống quê em

3. THỜI GIAN THI:

- Theo lịch thi của nhà trường
-

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

1. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thuyết trình cá nhân.
- Làm bài ra giấy kiểm tra. Khuyến khích kèm theo bài làm ra giấy là bài quay video hoặc làm sản phẩm trên powerpoint.
- Nộp sản phẩm trên lớp.

2. NỘI DUNG:

- Thực hiện các chủ đề sau:

1. Sản vật Hà Nội

- Trình bày được đặc trưng của một số sản vật Hà Nội.
- Nêu được vai trò của sản vật đối với sự phát triển của thành phố Hà Nội.
- Tuyên truyền, quảng bá sản vật của thành phố Hà Nội, góp phần thúc đẩy một số ngành kinh tế địa phương phát triển.

2. Các nghề truyền thống góp phần phát triển kinh tế thành phố Hà Nội

- Trình bày được tình hình phát triển của một số nghề truyền thống ở thành phố Hà Nội.
- Nêu được giá trị của các nghề truyền thống ở thành phố Hà Nội.
- Xác định được những đặc điểm của bản thân phù hợp với nghề truyền thống yêu thích.
- Có ý thức giữ gìn và tuyên truyền, quảng bá nghề truyền thống của thành phố Hà Nội

3. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Yêu cầu

- Thuyết trình đúng thời gian, vận dụng các kiến thức đã học.
- Trả lời chính xác, đủ kiến thức
- Sản phẩm đúng chủ đề lựa chọn, có sáng tạo...
- Thực hành đúng thời gian quy định
- Làm bài nghiêm túc
- Nhận thức được các sản vật và các nghề truyền thống đang có và phát triển ở Thành phố Hà Nội.
- Tác phong làm bài viết, bài thuyết trình nghiêm túc, hình ảnh video, lời nói, chữ viết rõ ràng, trong sáng.

4. THỜI GIAN NỘP SẢN PHẨM:

- Nộp đúng quy định theo yêu cầu của từng lớp

- Hết -

Chúc các em ôn tập tốt và thi tốt !